TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ -ST

Ngày: 12/10/2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Bà Vũ Thị Thu Ngát

- Thư ký phiên toà*:* Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Trí - Kiểm sát viên

Ngày 12/10/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2018 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐST - HNGĐ ngày 28/9/2018 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (Có mặt)

+ *Bị đơn:* Anh Ân Văn V, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện YT, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, thỏa thuận kết hôn trên cơ sở tự nguyện hợp pháp và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Sơn vào ngày 30/12/2002. Sau khi kết hôn đến năm 2005 hai vợ chồng ra ở riêng, thời kỳ đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng khoảng năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V hay cờ bạc, không chịu khó làm ăn, tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, không thể chung sống với anh V được nữa nên chị thiết tha đề nghị được ly hôn với anh Ân Văn V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Ân Thị T, sinh ngày 08/4/2004 và Ân Văn Q, sinh ngày 05/12/2005 hiện đang sống chung cùng bố mẹ tại thôn Vi Sơn, xã Đông Sơn. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay chị làm công nhân của Công ty Hải Sơn, thu nhập khoảng 6 - 9 triệu/1 tháng, chị làm ban ngày không làm ban đêm.

Về tài sản công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai của bị đơn anh An Văn Vượng thể hiện: Anh kết hôn với chị T vào ngày 30/12/2002, sau khi kết hôn năm 2005 vợ chồng anh ra ở riêng. Thời ký đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn do trong cuộc sống tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Nay xét tình cảm vợ chồng vẫn còn, phía chị T xin ly hôn anh không đồng ý anh muốn vợ chồng hòa giải về đoàn tự với nhau.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung Ân Thị Tuyết, sinh ngày 08/4/2004 và Ân Văn Quý, sinh ngày 05/12/2005 hiện đang sống chung cùng bố mẹ tại thôn Vi Sơn, xã Đông Sơn. Nếu chị T cương quyết ly hôn anh để hai con quyết định và yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật, hiện nay anh lao động tự do, thu nhập không ổn định.

Về tài sản công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Ân Văn V

- Về con chung: Giao hai con chung cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng anh Ân Văn V trên cơ sở tự nguyện hợp pháp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian đến khoảng năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi cọ và xảy ra xô xát dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh V đã trầm trọng, thời gian đã kéo dài, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Ân Thị T, sinh ngày 08/4/2004 và Ân Văn Q, sinh ngày 05/12/2005. Tòa án thấy rằng anh V hiện nay làm lao động tự do chưa có nghề nghiệp ổn định, Chị T làm công nhân nhà máy gạch thu nhập từ 06 đến 09 triệu đồng/ tháng, xét thấy việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi con phải trên cơ sở quyền lợi về mọi mặt của con, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt đối với các con, để các cháu có cuộc sống, điều kiện tốt nhất theo khả năng cho sự phát triển liên tục, toàn diện. Cả chị T và anh V đều có điều kiện nuôi con, và nguyện vọng nuôi con do đó cần giao cho chị T nuôi cháu Ân Thị T, sinh ngày 08/4/2004, anh V nuôi cháu Ân Văn Q, sinh ngày 05/12/2005 là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T, anh V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị T, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung: Không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016. Xử:

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ân Văn V.

Về con chung: Giao con chung là Ân Thị T, sinh ngày 08/4/2004 cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Ân Văn Q, sinh ngày 05/12/2005, cho anh Ân Văn V chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004287 ngày 07/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện